

Thứ tư, ngày 4 tháng 8 năm 2021

Vietnam Daily Review

Giằng co trên ngưỡng 1330 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/8/2021		•	
Tuần 2/8-6/8/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có phiên biến động giằng co trên ngưỡng 1330 điểm trong cả phiên giao dịch. Dòng tiền đầu tư co cụm vào một số ngành khi chỉ có 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HSX trong khi bán ròng HNX. Đồng thời, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước. Thị trường có thể vận động trong vùng 1330 -1350 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2109, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 4/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: PLX_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +2.30 điểm, đóng cửa 1334.74. HNX-Index +0.89 điểm, đóng cửa 320.02.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.00); PVD (+0.65); HBC (+0.42); TNH (+0.32); DTL(+0.15).
- Kéo chỉ số giảm: NCT (-0.43); VPB (-0.29); L10(-0.15); VSC (-0.13); PGD (-0.11).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 19,368 tỷ đồng, -4.27% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 21,284 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12.36 điểm. Thị trường có 213 mã tăng, 54 mã tham chiếu và 152 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 829.79 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (386.60 tỷ), STB (316.18 tỷ) và SSI (137.5 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -9.80 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1334.74**
Giá trị: 19368.55 tỷ 2.3 (0.17%)
Khối ngoại (ròng): 829.79 tỷ

HNX-INDEX **320.02**
Giá trị: 2976.03 tỷ 0.89 (0.28%)
Khối ngoại (ròng): -9.8 tỷ

UPCOM-INDEX **87.52**
Giá trị: 1206.2 tỷ -0.07 (-0.08%)
Khối ngoại(ròng): 21.93 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	70.3	-0.37%
Giá vàng	1,812	0.11%
Tỷ giá USD/VND	22,950	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,213	-0.02%
Tỷ giá JPY/VND	21,020	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	4.21%
LS TPCP 5 năm	1.1%	1.14%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	386.6	VIC	-86.4
STB	316.2	HPG	-60.0
SSI	137.5	NVL	-34.3
MBB	106.1	VCB	-28.0
FUEVFN	40.3	VRE	-22.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 4/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	70.08	-0.68%	-3.20%	-5.80%	56.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	72.04	-0.51%	-2.50%	-5.40%	48.60%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	227.19	0.05%	-0.40%	-0.50%	70.87%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1812.81	0.13%	0.30%	1.20%	-6.80%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.66	0.53%	2.80%	-3.10%	-2.98%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1319.75	0.00%	-3.00%	-5.70%	47.33%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	725.75	0.17%	5.40%	11.20%	34.34%		AFX
Sữa	USD /cwt	15.91	-0.13%	-3.60%	-7.90%	-4.73%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	196.92	-0.11%	1.30%	-0.10%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.98	0.17%	-2.00%	0.20%	42.93%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	174.85	1.19%	-13.30%	11.80%	40.33%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9541.50	-1.64%	-2.20%	1.80%	47.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	828.56	0.72%	-4.70%	3.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	889.37	1.01%	-2.30%	5.90%			
Nhôm	USD/ton	2586.00	-1.11%	3.90%	0.90%	46.10%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	162.15	-1.16%	-7.10%	-12.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	146.40	-0.75%	1.00%	13.50%	126.28%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- HDTL dầu thô Brent giảm 48 US cent tương đương 0.66% xuống 72.41 USD/thùng. HDTL dầu thô Tây Texas WTI giảm 70 US cent tương đương 0.98% xuống 70.56 USD/thùng.
- Viện Dầu mỏ Mỹ cho biết tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần kết thúc ngày 30/7/2021 giảm 879,000 thùng. Tồn trữ sản phẩm chưng cất của Mỹ bao gồm dầu diesel trong tuần kết thúc ngày 30/7/2021 giảm 717,000 thùng và tồn trữ xăng của Mỹ giảm 5.8 triệu thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 1,809.79 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,814.1 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng 2% lên 1,063 CNY (164.41 USD)/tấn. Giá quặng sắt 62% Fe giao ngay sang Trung Quốc tăng 0.5 USD lên 185.5 USD/tấn. Xuất khẩu quặng sắt hàng tuần từ Australia và Brazil tính đến ngày 1/8/2021 giảm xuống 24.7 triệu tấn, giảm 147,000 tấn so với tuần trước đó.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải giảm 4.6% xuống 5,247 CNY (811.51 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 4.9% xuống 5,608 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE tăng 2.05 US cent tương đương 1.2% lên 1.7485 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn London tăng 19 USD tương đương 1.1% lên 1,772 USD/tấn.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn London tăng 2.3 USD tương đương 0,5% lên 449.6 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE tăng 0.03 US cent tương đương 0.2% lên 17.98 US cent/lb.

	4/8	% 4/8	3/8	% 3/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1334.74	0.17%	1332.44	1.39%	4.52%	-5.41%
S&P 500			4423.15	0.82%	0.49%	2.39%
HDTL S&P500	4411.25	-0.09%	4415.10	0.81%	0.40%	1.58%
Shang- hai	3477.22	0.85%	3447.99	-0.47%	3.44%	-1.62%
Euro Stoxx	4144.41	0.64%	4117.95	0.03%	1.01%	1.40%

Phân tích kỹ thuật
PLX_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: PLX đang nằm trong xu hướng hồi phục từ vùng đáy 50.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều cho thấy tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên MA20, báo hiệu nhịp hồi phục ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 52.3 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 58.0 Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 50.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

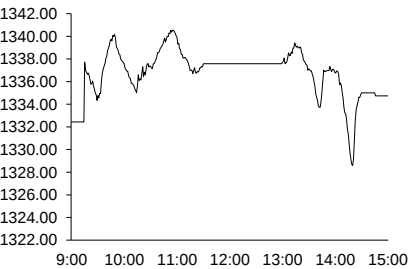
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	2.21%
Bảo hiểm	1.31%
Dịch vụ tài chính	1.14%
Y tế	0.99%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.70%
Tài nguyên Cơ bản	0.52%
Truyền thông	0.37%
Bất động sản	0.21%
Ngân hàng	0.04%
Hóa chất	0.03%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.01%
Bán lẻ	-0.07%
Công nghệ Thông tin	-0.11%
Xây dựng và Vật liệu	-0.14%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.29%
Ô tô và phụ tùng	-0.54%
Du lịch và Giải trí	-0.67%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.02%

Hình 1

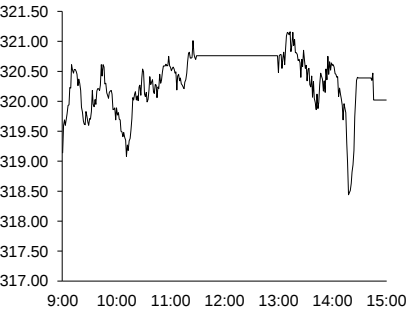
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

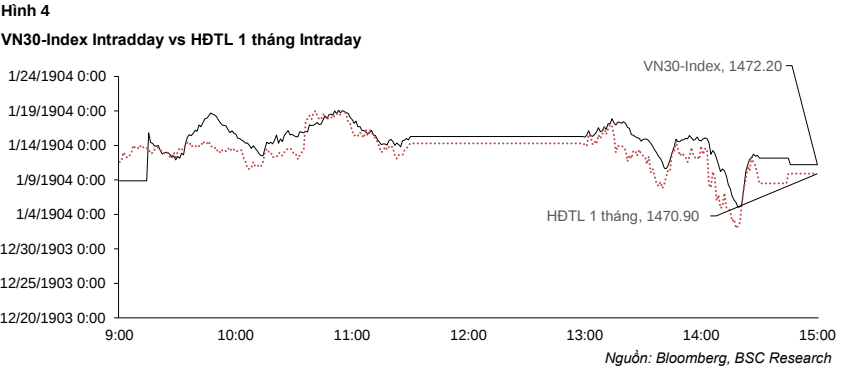
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	31	1	3.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	22.4	2	1.36%	Có thể tiếp tục mua
30/7/21	BCC	10.8	13	10	11	5	1.85%	Có thể tiếp tục mua
29/7/21	CTG	33.9	40	32	34	6	0.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	24.65	7	4.45%	Có thể tiếp tục mua
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	33.45	9	2.92%	Có thể tiếp tục mua
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	37.25	13	14.09%	Có thể tiếp tục mua
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	30.8	14	3.36%	Có thể tiếp tục mua
19/7/21	CTR	75	85	69.3	83.5	16	11.33%	Cân nhắc không mua thêm (**)
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	93.8	19	3.99%	Có thể tiếp tục mua
15/7/21	ACB	32.75	38	30	35.5	20	8.40%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	76.6	21	2.13%	Có thể tiếp tục mua
13/7/21	KBC	32.5	40	30	34.95	22	7.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/7/2021	ITD	18	20.25	15.25	17	26	-5.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	170	28	2.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/7/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	51.3	29	13.00%	Có thể tiếp tục mua
31/5/21	PC1	27.6	32.5	23.5	26.8	65	-2.90%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	TP	11	11.31%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
12/7/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
8/7/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
5/7/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
2/7/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
1/7/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
30/6/21	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
29/6/21	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
28/6/21	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
25/6/21	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
24/6/21	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
23/6/21	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
22/6/21	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	15	2	5.39%	-4.23%	4.26%	18
Cổ phiếu đã chốt	164	109	13.62%	-7.87%	5.04%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1470.90	-0.28%	-1.30	-18.2%	252,556	8/19/2021	17
VN30F2109	1469.00		-3.20	-29.2%	391	9/16/2021	45
VN30F2112	1463.00	-0.20%	-9.20	-2.2%	45	12/16/2021	136
VN30F2203	1464.10	-0.16%	-8.10	-84.9%	16	3/17/2022	227

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.33 điểm lên 1472.20 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, NVL, MBB, HPG, TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1470-1480 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2109, các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2103	8/9/2021	5	2:1	911,300	46.15%	1,400	6,000	4.35%	6,331	0.95	20,800	18,000	30,650
CSTB2104	8/27/2021	23	1:1	119,800	46.15%	4,000	8,590	3.62%	7,824	1.10	26,900	22,900	30,650
CHPG2105	8/9/2021	5	2:1	755,500	39.21%	3,000	11,190	1.73%	2,765	4.05	48,000	42,000	47,500
CTCB2101	10/5/2021	62	1:1	50,900	40.35%	5,000	23,800	1.71%	21,251	1.12	36,000	31,000	52,000
CVPB2103	8/9/2021	5	2:1	381,100	40.32%	2,700	12,020	1.01%	12,012	1.00	41,900	36,500	60,500
CTCB2103	8/9/2021	5	2:1	756,000	40.35%	2,900	8,000	0.38%	8,262	0.97	41,300	35,500	52,000
CNVL2102	9/27/2021	54	16:1	191,500	35.75%	1,100	2,600	0.00%	52	50.19	107,608	94,636	107,500
CHPG2106	8/27/2021	23	2:1	121,100	39.21%	4,100	8,460	-0.12%	452	18.73	42,937	36,908	47,500
CKDH2002	8/16/2021	12	4:1	475,200	33.45%	1,600	4,340	-1.14%	3,327	1.30	30,666	24,848	40,600
CVHM2104	8/9/2021	5	10:1	1,105,000	34.91%	1,600	1,160	-2.52%	1,257	0.92	114,000	98,000	110,500
CVHM2105	8/13/2021	9	8:1	76,200	34.91%	1,500	980	-2.97%	719	1.36	117,500	105,500	110,500
CMWG2104	3/22/2022	230	10:1	92,200	34.18%	2,400	6,220	-3.42%	4,260	1.46	159,000	135,000	170,000
CMSN2103	8/13/2021	9	6:1	227,800	38.71%	3,000	8,110	-3.45%	8,017	1.01	106,000	88,000	136,000
CHPG2107	8/12/2021	8	5:1	122,400	39.21%	1,300	1,330	-3.62%	0	133,000.00	48,463	43,684	47,500
CKDH2102	8/13/2021	9	2:1	292,500	33.45%	2,800	6,750	-3.71%	4,768	1.42	33,364	28,273	40,600
CMWG2105	8/27/2021	23	8:1	211,400	34.18%	2,950	5,420	-4.07%	4,862	1.11	155,100	131,500	170,000
CTCB2104	8/27/2021	23	2:1	100	40.35%	2,000	5,830	-5.97%	3,285	1.77	49,800	45,800	52,000
CMBB2102	8/12/2021	8	10:1	139,400	39.11%	1,200	760	-12.64%	0	2,451.61	46,468	34,468	29,700
CVNM2104	9/13/2021	40	10:1	62,600	25.95%	1,480	570	-18.57%	9	62.16	116,352	101,734	87,100
CVHM2106	8/12/2021	8	10:1	104,200	34.91%	1,300	440	-24.14%	24	18.58	131,668	118,668	110,500
Tổng				5,284,900	37.21%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 4/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CSTB2105 và CFPT2102 tăng mạnh lần lượt là 35.16% và 24.14%. Trái lại, CSBT2101 giảm mạnh -15.63%. Giá trị giao dịch tăng 49.01%. CHPG2105 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.63% thị trường.
- CVHM2104, CSTB2103, CTCB2103, CVPB2103, và CMSN2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CVPB2103, và CTCB2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	170.0	0.1%	0.9	3,513	6.1	9,051	18.8	4.7	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	96.5	0.0%	1.0	954	1.8	5,816	16.6	3.8	49.0%	25.4%	
BVH	Bảo hiểm	53.8	2.1%	1.4	1,736	2.7	2,548	21.1	1.9	26.8%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	38.8	0.8%	0.5	377	0.1	3,495	11.1	1.2	53.0%	10.9%	
VIC	Bất động sản	114.0	-0.4%	0.7	16,765	14.4	2,174	52.4	4.8	15.2%	9.0%	
VRE	Bất động sản	27.9	-1.4%	1.1	2,756	4.9	1,175	23.7	2.1	30.5%	9.3%	
VHM	Bất động sản	110.5	-0.4%	1.0	15,804	19.9	9,941	11.1	3.8	23.3%	39.9%	
DXG	Bất động sản	21.8	-0.9%	1.3	491	3.7	1,586		1.3	28.7%	11.0%	
SSI	Chứng khoán	56.8	0.5%	1.5	1,617	29.5	2,817	20.2	3.3	49.0%	16.5%	
VCI	Chứng khoán	53.4	3.7%	1.0	773	20.2	3,459	15.4	3.4	20.8%	25.4%	
HCM	Chứng khoán	49.8	0.6%	1.6	660	15.2	2,899	17.2	3.2	47.9%	19.4%	
FPT	Công nghệ	95.6	-0.2%	0.9	3,772	11.7	4,233	22.6	5.2	49.0%	24.1%	
FOX	Công nghệ	81.5	0.5%	0.4	1,163	0.1	4,304	18.9	5.7	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	94.0	1.1%	1.3	7,822	2.2	4,077	23.1	3.8	2.8%	16.2%	
PLX	Dầu khí	52.3	2.1%	1.5	2,828	4.7	2,915	17.9	2.8	17.3%	16.8%	
PVS	Dầu khí	25.4	2.0%	1.7	528	14.9	1,160	21.9	1.0	7.8%	4.5%	
BSR	Dầu khí	19.5	2.1%	0.8	2,629	12.7	(909)	N/A	N/A	1.9	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.8	0.0%	0.4	533	0.0	5,761	16.3	3.6	54.6%	22.8%	
DPM	Hóa chất	27.2	0.2%	0.8	463	6.1	1,928	14.1	1.3	14.2%	9.4%	
DCM	Hóa chất	20.6	-1.2%	0.7	474	5.0	1,122	18.4	1.7	2.0%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	98.5	-0.3%	1.1	15,884	5.0	5,709	17.3	3.6	23.6%	22.8%	
BID	Ngân hàng	43.0	-0.8%	1.3	7,519	4.0	2,477	17.4	2.1	16.7%	12.6%	
CTG	Ngân hàng	34.0	-0.3%	1.3	7,104	22.7	3,692	9.2	1.8	24.6%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	60.5	-0.5%	1.2	6,457	21.2	5,052	12.0	2.5	15.4%	23.0%	
MBB	Ngân hàng	29.7	1.4%	1.2	4,879	22.5	2,764	10.7	2.1	21.9%	21.5%	
ACB	Ngân hàng	35.5	-0.8%	1.0	4,170	13.2	3,589	9.9	2.4	30.0%	27.2%	
BMP	Nhựa	56.8	0.0%	0.7	202	0.1	6,160	9.2	1.9	83.6%	20.3%	
NTP	Nhựa	49.6	-0.2%	0.4	254	0.0	4,085	12.1	2.2	19.2%	18.3%	
MSR	Tài nguyên	19.6	0.5%	0.7	937	0.4	39	502.6	1.5	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	47.5	0.5%	1.2	9,238	50.4	4,056	11.7	3.2	26.7%	31.3%	
HSG	Thép	37.5	1.4%	1.4	797	16.6	7,745	4.8	1.9	10.2%	47.9%	
VNM	Tiêu dùng	87.1	0.0%	0.6	7,915	10.9	4,572	19.1	5.8	55.2%	30.9%	
SAB	Tiêu dùng	157.3	1.3%	0.8	4,386	0.3	7,293	21.6	4.8	62.8%	24.3%	
MSN	Tiêu dùng	136.0	-1.3%	0.9	6,981	9.4	1,281	106.2	9.9	33.4%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	18.7	-1.8%	1.2	500	1.5	1,131	16.5	1.5	8.9%	8.7%	
ACV	Vận tải	76.6	0.0%	0.8	7,250	0.2	577	132.8	4.4	3.6%	3.4%	
VJC	Vận tải	116.2	0.2%	1.1	2,736	2.5	2,256		4.2	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	21.8	-2.0%	1.7	2,103	0.9	(7,377)		27.2	9.1%	-155.4%	
GMD	Vận tải	47.1	-1.4%	1.0	617	8.8	1,246	37.8	2.3	41.9%	6.2%	
PVT	Vận tải	19.3	0.5%	1.4	272	2.7	2,281	8.5	1.2	15.3%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	120.0	-1.1%	0.9	835	1.7	9,806	12.2	4.5	3.9%	44.7%	
VGC	Vật liệu xây dựng	30.4	-1.0%	0.4	593	0.2	1,604	18.9	2.1	5.6%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	0.6%	0.9	260	0.3	1,651	9.5	1.1	2.9%	11.3%	
CTD	Xây dựng	63.9	-0.9%	1.0	205	0.8	3,352	19.1	0.6	43.8%	3.0%	
CII	Xây dựng	16.6	0.0%	0.5	172	0.9	56	297.5	0.8	22.3%	0.2%	
REE	Điện	54.0	-0.6%	-1.4	726	0.9	5,806	9.3	1.4	49.0%	15.8%	
PC1	Điện	26.8	1.9%	-0.4	223	1.0	2,371	11.3	1.3	10.0%	13.2%	
POW	Điện	10.9	0.5%	0.6	1,105	3.4	1,037	10.5	0.9	3.0%	8.6%	
NT2	Điện	18.7	1.1%	0.5	234	0.3	1,093	17.1	1.3	13.9%	7.3%	
KBC	Khu công nghiệp	35.0	1.0%	1.1	714	15.8	1,639	21.3	1.6	19.4%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	41.7	0%	1.0	1,877	0.1			2.8	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	110.50	29.53	22.85	4.12MLN
NVL	107.50	1.90	0.80	5.76MLN
GAS	94.00	1.08	0.52	538300
STB	30.65	2.85	0.43	48.35MLN
PLX	52.30	2.15	0.39	2.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.58	1.59MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.46	2.88MLN	607060
BID	0.00	-0.38	2.14MLN	373600
VCB	0.00	-0.30	1.16MLN	192700
GVR	0.00	-0.27	4.16MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	110.50	29.53	22.85	4.12MLN
DAH	10.70	7.00	0.01	1.27MLN
FIT	16.05	7.00	0.07	11.27MLN
VOS	9.51	6.97	0.02	1.62MLN
PTL	10.15	6.95	0.02	665700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMS	53.30	-6.49	-0.08	233700
DVP	52.80	-6.05	-0.04	147300
PGI	24.00	-5.51	-0.03	700.00
BIC	24.10	-3.60	-0.03	263100
ADS	29.85	-3.40	-0.01	668900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXS	26.60	3.91	0.21	968900.00
BAB	23.50	0.86	0.17	87300.00
PVS	25.40	2.01	0.16	13.57MLN
SHS	43.40	1.17	0.13	5.87MLN
TIG	14.50	9.85	0.13	2.38MLN

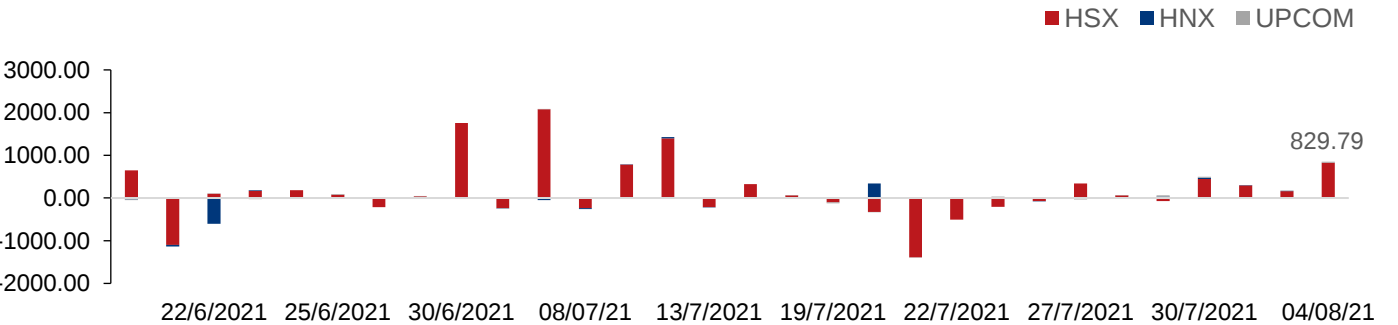
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	25.60	-4.83	-0.70	3.95MLN
SHB	27.40	-0.36	-0.22	13.56MLN
IDC	33.40	-0.60	-0.06	2.00MLN
VCS	120.00	-1.07	-0.06	332700
VND	49.80	-0.20	-0.05	9.12MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VE2	13.30	9.9	0.00	5000
TMX	12.20	9.9	0.00	400
KST	27.80	9.9	0.00	700
TIG	14.50	9.9	0.13	2.38MLN
L43	4.50	9.8	0.00	16500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	36.00	-10.00	-0.01	1500
KTT	6.30	-10.00	0.00	28500
BED	35.90	-9.80	0.00	100
SIC	16.80	-9.68	-0.02	3400
KKC	32.00	-8.57	-0.01	11100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.5	3,589	9.9	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	76.6	577	132.8	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.3	600	15.5	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.4	-411		0.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	33.5	3,949	8.5	1.4	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	34.0	3,692	9.2	1.8	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	20.6	1122.1	18.4	1.7	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	99.5	5,868	17.0	3.8	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	157.6	9,205	17.1	5.0	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	27.2	1,928	14.1	1.3	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.0	2,869	10.8	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	21.8	1,586		1.3	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	95.6	4,233	22.6	5.2	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	33.5	1,201	27.8	2.8	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	55.9	7,082	7.9	2.6	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.5	4,056	11.7	3.2	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	37.5	7,745	4.8	1.9	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.7	1,651	9.5	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.0	-1,169		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.0	1,639	21.3	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	40.6	1,946	20.9	3.0	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	25.2			1.9	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.3	3,258	10.8	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	70.9	5,257	13.5	2.4	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	136.0	1,281	106.2	9.9	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	170.0	9,051	18.8	4.7	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	43.6	3,925	11.1	1.9	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	30.5	2,380	12.8	1.9	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	96.5	5,816	16.6	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.9	1,037	10.5	0.9	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.9	0	123.5	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.4	1,160	21.9	1.0	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	157.3	7,293	21.6	4.8	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.7	1,131	16.5	1.5	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	47.3	15775.2	3.0	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.0	4,613	11.3	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	98.5	5,709	17.3	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	43.0	4,166	10.3	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	17.7	570	31.1	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	40.8	4,038	10.1	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	110.5	9,941	11.1	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	87.1	4,572	19.1	5.8	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.5	5,052	12.0	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.9	1,175	23.7	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	86.4	3,256	26.5	7.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639